

Chọn từ điền vào chỗ trống



1. 你是新来的_____吗？（秘书/面包）

Nǐ shì xīn lái de _____ma?

2. 这是我们公司的商务_____。（管家/管理）

Zhè shì wǒmen gōngsī de shāngwù _____.

3. 我好像昨天在_____没看到你。（会议室/卫生间）

Wǒ hǎoxiàng zuótiān zài _____méi kàn dào nǐ.

4. 我是刚_____回来的。（出差/出入）

Wǒ shì gāng _____huí lái de.



5. 这里的_____很好，同事们和经理对我很好。

（公司/环境）

Zhèlǐ de _____hěn hǎo, tóngshìmen hé jīnglǐ duì wǒ
hěn hǎo.